

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số
92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục
hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 01/TTr-SNNPTNT ngày 03 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa **04 (Bốn)** thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự thảo văn bản thực thi
phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm
quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản
hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý sau
khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cơ quan
có liên quan thực hiện Quyết định này. Căn cứ phương án đơn giản hóa thủ tục
hành chính đã được thông qua tại Quyết định này, xây dựng Báo cáo kết quả rà

soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2024, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC; Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 112.PVHCC.

CHỦ TỊCH

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 09/01/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã thủ tục hành chính: 1.004363.000.00.00.H61)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 16 ngày làm việc giảm xuống còn 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Số ngày cắt giảm: 03 ngày làm việc.

Lý do: việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi quy định về thời gian giải quyết TTHC nêu trên tại Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 564.570.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 482.970.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 81.600.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,45%.

2. Tên TTHC: Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (Mã TTHC: 1.004493.000.00.00.H61)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Số ngày cắt giảm: 03 ngày làm việc.

Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Đổi quy định về thời gian giải quyết TTHC nêu trên tại Quyết định số Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quyết định 2377/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố chuẩn hoá danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 529.470.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 422.910.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 106.560.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,13%.

II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Tên TTHC: Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (Mã TTHC: 1.008003.000.00.00.H61)

a) Nội dung đơn giản hoá

Tại thành phần hồ sơ “Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 01.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ”: kiến nghị bỏ nội dung “*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn*”.

Lý do: Khi nộp hồ sơ cá nhân, tổ chức không cần thực hiện nội dung “*Cá nhân phải có bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân gửi kèm theo đơn*” vì khi khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc quét mã QR trên thẻ Căn cước công dân gắn chip đã có đầy đủ các thông tin, giảm bớt giấy tờ hồ sơ cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Kiến nghị sửa đổi quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 32.259.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 32.190.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 69.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,21%.

III. LĨNH VỰC THỨ Y

1. Tên TTHC: Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) (Mã TTHC: 2.001064.000.00.00.H61)

a) Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thành phần hồ sơ “*Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân*” (đối với trường hợp cấp mới).

Lý do: thông tin trong đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y đã có đầy đủ để cấp chứng chỉ hành nghề thú y nên không cần thiết phải nộp Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân.

b) Kiến nghị thực thi

Kiến nghị sửa đổi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 109 của Luật Thú y số 79/2015/QH13.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 339.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 336.300.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.300.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,97%./.